CHẾ ĐỊNH THỪA PHÁT LẠI Ở VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Th.S NGUYỄN THỊ TUYỀN
Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên

1. Đặt vấn đề

Xã hội hóa thi hành án dân sự (XHHTHADS) là một định hướng, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, giúp giảm bớt gánh nặng cho các cơ quan nhà nước, nhất là Cơ quan thi hành án (CQTHA) trong việc tổ chức thi hành án (THA), góp phần khắc phục được tình trạng quan liêu trong công tác THA, đồng thời, nâng cao trách nhiệm cá nhân và sự tận tụy của nhân viên THA trong việc thi hành án dân sự (THADS). Một trong những phương thức XHHTHADS đã được triển khai thực hiện ở Việt Nam là Thừa phát lại. Tuy nhiên, XHHTHADS là vấn đề còn mới mẻ, đồng thời thuật ngữ "Thừa phát lại" có gốc từ tiếng Hán, đã tạo ra sự khó hiểu và xa lạ với mọi người, ngay cả đối với những người làm trong lĩnh vực tư pháp, cũng chưa thực sự tường tận với chức năng của Thừa phát lại. Trong khi đó, nghề Thừa phát lại là nghề truyền thống, đã phát triển lâu đời và đang là xu hướng tiến bộ trên thế giới. Tại một số quốc gia như Pháp, Bỉ, Estonia, Luých-xăm-bua, Hà Lan..., Thừa phát lại là một nghề độc lập, không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Mặc dù hành nghề tự do, không phải nhân viên nhà nước, nhưng Thừa phát lại được Nhà nước bổ nhiệm, trao quyền để thực hiện một số công việc. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Thừa phát lại có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ mà pháp luật quy định. Hoạt động của Thừa phát lại chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan nhà nước như Tòa án, công tố, Bộ Tư pháp và chịu sự kiểm tra, quản lý của tổ chức nghề nghiệp Thừa phát lại. Bài viết này tác giả đi vào tìm hiểu một số quy định về chế định Thừa phát lại trong chế độ cũ cũng như nghiên cứu kinh nghiệm của pháp luật nước ngoài để làm cơ sở nền tảng lý luận cho việc phát triển chế định này trong thời điểm hiện nay tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu là những quy định của pháp luật về chế định Thừa phát lại đã tồn tại tại Việt Nam từ trước khi có Luật THADS năm 2008 và sau khi có Luật THADS năm 2008. Bên cạnh đó, tác giả còn tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới đã xây dựng thành công mô hình Thừa phát lại, trên cơ sở đó, rút ra bài học cho Việt Nam trong tiến trình cải cách tư pháp.

2.1. Chế định Thừa phát lại trong chế độ cũ

Nhắc tới danh từ "Thừa phát lại" hẳn rất xa lạ với đa số người dân Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, danh từ này đã xuất hiện ở Việt Nam từ những năm 1862 khi người Pháp đặt chế độ cai trị thực dân và áp dụng quy chế về thuộc địa lãnh thổ và coi 6 tỉnh Nam Kỳ như một Hạt của Pháp.

Thừa phát lại được hiểu là công lại làm việc theo triệu dụng của khách hàng khi có yêu cầu và theo đề nghị của Tòa án trong phạm vi trách nhiệm được pháp luật quy định. Mục đích của công lại là nhằm phục vụ công lý, phục vụ hoạt động tư pháp và nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong xã hội. Có thể nói, với tính chất công việc và nghề nghiệp, thì những công lại dạng như chức danh Thừa phát lại đã tồn tại ở nước ta từ trong thời kỳ phong kiến. Tuy nhiên, chức danh này thực sự thể hiện đầy đủ các đặc điểm như tên gọi của mình khi thực dân Pháp áp dụng nguyên mô hình Thừa phát lại của Cộng hòa Pháp ở nước ta và mô hình này đã tồn tại trong suốt thời kỳ Pháp

thuộc và dưới chế độ Ngụy quyền Sài Gòn đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975.

Ở Việt Nam trước đây, chế định Thừa phát lại được quy định trong các văn bản pháp luật như: Bộ Dân sự tố tụng Nam Việt ban hành năm 1910; Bộ Dân luật Trung năm 1936-1939; Bộ Hộ sự, Thương sự tố tụng Trung năm 1942; Bộ Dân luật Bắc năm 1931; Bộ Dân sự tố tụng Bắc năm 1917; Nghị định số 111 ngày 8/03/1949 của chính quyền Bảo Đại; Bộ luật Dân sự, Thương sự tố tụng và Bộ luật Hình sự tố tụng của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu năm 1972.

Thừa phát lại không phải là công chức tư pháp, không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hoạt động không theo chế độ công vụ. Khác với các công chức tư pháp, Thừa phát lại thực hiện một số công việc theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo đề nghị của Tòa án trong phạm vi trách nhiệm được pháp luật quy định. Tuy được quy định ở các văn bản pháp luật khác nhau với những tên gọi khác nhau như: Chưởng Tòa (Miền Bắc); Mõ Tòa (Miền Trung); Thừa phát lại (Miền Nam) nhưng đều thể hiện địa vị của một công lại giống chức danh "***Huissier***" trong hệ thống tư pháp của Pháp được quy định trong Bộ Dân luật Pháp năm 1804 và Bộ Dân sự tố tụng Pháp năm 1807[1].

Nhìn chung, Thừa phát lại trong thời kỳ Pháp thuộc và dưới chính quyền Sài Gòn đều có nhiệm vụ:

- Thông báo Tòa khai mạc và bế mạc, gọi các đương sự, nhân chứng, thi hành lệnh giữ trật tự tại Tòa. Đây là các nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Tống đạt giấy tờ theo yêu cầu của Tòa án, lập các vi bằng theo quy định của pháp luật, phát mại động sản hay bất động sản và trực tiếp thi hành các bản án, quyết định của Tòa án. Các nhiệm vụ này được thực hiện bên ngoài phiên tòa.

Về tổ chức, Thừa phát lại là công lại do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm và quản lý, hành nghề trên cơ sở quy định của pháp luật, được hưởng thù lao của khách hàng theo biểu giá quy định. Khác với Luật sư, Thừa phát lại không có quyền từ chối thi hành nhiệm vụ nếu được yêu cầu nếu không có lý do chính đáng. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Thừa phát lại chịu sự chỉ đạo trực tiếp của những công chức có trách nhiệm như: Chưởng Lý, Biện Lý, Thẩm Phán, Lục Sự. Hoạt động của Thừa phát lại được tổ chức thành văn phòng.

2.2. Chủ trương của Đảng, Nhà nước về chế định Thừa phát lại, quá trình thực hiện chế định này trong thời gian qua

2.2.1. Chế định Thừa phát lại trước năm 2008

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ngày 19/7/1946, Sắc lệnh số 130 của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được ban hành quy định về ấn định thể thức thi hành phải ghi trên các bảng sao hay trích sao, trong đó có Thừa phát lại. Điều 3 của Sắc lệnh này quy định: Trong các thị xã, khu phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký đều chịu trách nhiệm thi hành những lệnh, mệnh lệnh hoặc án của các Tòa án, ở những nơi nào đã có Thừa phát lại riêng thì đương sự có quyền nhờ Thừa phát lại riêng thi hành mệnh lệnh. Về thẩm quyền, trách nhiệm của Thừa phát lại trong thi hành án, Điều thứ 1 của Sắc lệnh trên quy định: "*Các bản sao hoặc trích lục bản án do các phòng lục sự phát cho các đương sự để thi hành các án, hoặc mệnh lệnh của các Tòa án Hộ đều phải có thể thức thức thi hành, ấn định như sau: "Vậy, Chủ tịch Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa truyền cho các Thừa phát lại theo yêu cầu của đương sự thi hành bản án này, các ông chưởng lý và biện lý kiểm sát việc thi hành án, cai trị chỉ huy binh lực giúp đỡ mỗi khi đương sự chiếu luật yêu cầu..."*". Việc tiếp tục thực hiện chế định Thừa phát lại đã thể hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, theo đó, như Bác đã từng nói: "*Không phải cái gì cũ cũng bỏ hết... Cái gì cũ mà xấu thì bỏ, cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm*",

[1] Nguyễn Đức Chính (Chủ biên), Tổ chức Thừa phát lại, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, năm 2006

đồng thời, cũng cho thấy vai trò, ý nghĩa của chế định này trong hoạt động tư pháp và đời sống xã hội.

Đến năm 1950, tại miền Bắc, theo Sắc lệnh số 85/SL ngày 22 tháng 5 năm 1950 "về cải cách bộ máy tư pháp và tố tụng", công tác THADS được giao cho Thẩm phán Tòa án cấp huyện đảm trách. Điều 19 của Sắc lệnh quy định: "*Thẩm phán huyện dưới sự kiểm sát của Biện lý có nhiệm vụ đem chấp hành các bản án hình về các khoản bồi thường hay bồi hoàn và các án hộ, mà chính Tòa án huyện hoặc Tòa án trên đã tuyên. Việc phát mãi bất động sản và phân phối tiền bán được cũng do Tòa án huyện phụ trách...*".

Như vậy, theo Sắc lệnh trên thì tại miền Bắc nước ta, Thừa phát lại và Ban tư pháp xã, phường từ đây không làm nhiệm vụ THA nữa, mà công việc THA được giao cho nhân viên Chấp hành án trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1960[2].

Còn ở Miền Nam, chế định Thừa phát lại vẫn tiếp tục được duy trì và được điều chỉnh bởi hai văn bản pháp lý là Nghị định số 111/BTP-NĐ ngày 04/02/1950 về ấn định pháp quy Thừa phát lại do chính quyền Bảo Đại ban hành và Bộ luật Dân sự, thương sự tố tụng ngày 20/12/1972 do chính quyền Ngụy quyền ban hành đã quy định một cách khá chi tiết về tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của Thừa phát lại.

Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước hoàn toàn thống nhất năm 1975, hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng trên toàn lãnh thổ, các quy định trước đó về Thừa phát lại của chính quyền Cộng hòa miền Nam bị bãi bỏ và cho đến năm 2005, chế định Thừa phát lại không được đề cập đến trong các văn kiện của Đảng, các văn bản pháp luật của Nhà nước và cũng không còn tồn tại trong thực tiễn THA tại Việt Nam. Trong thời kỳ này, việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án hoàn toàn do CQTHA thực hiện.

2.2.2. Chế định Thừa phát lại từ năm 2008 đến nay

Ngày nay, trước yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp, góp phần làm cho nền hành chính tư pháp của chúng ta theo sát và đáp ứng tốt hơn sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như dân chủ hóa đời sống xã hội, chế định Thừa phát lại tiếp tục được nghiên cứu để thực hiện. Việc thí điểm chế định Thừa phát lại có thể nói là một giải pháp mang tính đột phá nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa một số hoạt động tư pháp đã được Đảng, Nhà nước ta đề ra trong những năm qua. Đặc biệt, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định rõ: "*Nghiên cứu thực hiện và phát triển các loại hình dịch vụ từ phía nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình... từng bước thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao cho tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án dân sự*"; "*Nghiên cứu chế định Thừa phát lại (thừa hành viên); trước mắt có thể tổ chức thí điểm tại một số địa phương, sau vài năm, trên cơ sở tổng kết, đánh giá thực tiễn sẽ có bước đi tiếp theo*".

Thể chế hóa chủ trương của Đảng, ngày 14/11/2008, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/QH12 về thi hành Luật THADS, trong đó quy định: "*Để triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa một số công việc có liên quan đến thi hành án dân sự, giao Chính phủ quy định và tổ chức thực hiện thí điểm chế định thừa phát lại (thừa hành viên) tại một số địa phương. Việc thí điểm được thực hiện từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (01/7/2009) đến ngày 01/7/2012. Chính phủ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm và báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định*".

Thực hiện Nghị quyết số 24/2008/QH12 về thi hành Luật THADS, Chính phủ đã giao

[2] Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 14/7/1960

Bộ Tư pháp phối hợp với Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại trên địa bàn thành phố. Sau thời gian thực hiện thí điểm, Chính phủ đã chỉ đạo tổng kết theo quy định và bước đầu đã ghi nhận những tác động tích cực.

Đến nay, chế định Thừa phát lại sau 06 năm thực hiện thí điểm thì Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 107/2015/QH13 về thực hiện chế định Thừa phát lại trên phạm vi cả nước, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của các Thừa phát lại, tạo một nghề mới trong xã hội và giúp cho người dân có thêm sự lựa chọn trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình - nghề Thừa phát lại.

Qua số liệu tổng kết công tác THADS năm 2015 của Bộ Tư pháp cho thấy, công tác THADS còn nhiều tồn tại, hạn chế: Toàn ngành chưa hoàn thành chỉ tiêu Quốc hội giao về tiền; số việc, tiền phải thi hành chuyển kỳ sau còn nhiều, nhất là về tiền (chiếm 32,53% về việc và 66% về tiền so với tổng số thụ lý); số việc hoãn, trả đơn, ủy thác thi hành án chiếm số lượng lớn với gần 51.000 việc và trên 20.751 tỷ đồng (chiếm 6,4% về việc và 16,5% về tiền so với tổng số thụ lý)[3]. Với xu hướng hiện nay, số vụ việc ngày càng tăng lên về số lượng và phức tạp về tính chất thì áp lực cho CQTHADS sẽ ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, việc XHHTHADS, trao một số công việc THA cho Thừa phát lại sẽ góp phần giảm số lượng vụ việc bình quân mà mỗi Chấp hành viên phải tổ chức thi hành, từ đó giảm chi phí Nhà nước; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác THADS hiện nay.

Qua 06 năm triển khai thí điểm chế định Thừa phát lại đã đạt được những kết quả quan trọng, khẳng định tính đúng đắn của chủ trương xã hội hóa một số nội dung công tác THA. Cả nước hiện có 53 Văn phòng Thừa phát lại với 134 Thừa phát lại, 295 Thư ký nghiệp vụ và 214 nhân viên. Các Văn phòng Thừa phát lại đã tống đạt được 819.044 văn bản, lập 39.027 vi bằng, xác minh điều kiện THA 781 việc, trực tiếp tổ chức THA 322 vụ việc, với tổng doanh thu tính đến ngày 31/7/2015 đạt 119 tỷ đồng. Mặc dù vẫn còn một số tồn tại, song nhìn chung, sau 6 năm thí điểm, chế định Thừa phát lại đã chứng tỏ được tính đúng đắn và được xã hội đón nhận, đặc biệt là ở các địa bàn kinh tế - xã hội phát triển.

2.3. Mô hình Thừa phát lại ở một số nước trên thế giới

2.3.1. Thừa phát lại ở Pháp[4]

Thừa phát lại tại Cộng hòa Pháp là một nghề truyền thống có từ rất lâu. Dưới thời kỳ Quân chủ, thậm chí thời kỳ Cách mạng năm 1792 và cả thời Đế chế thứ nhất, nghề Thừa phát lại luôn được hưởng một quy chế nhất định, vì các văn bản do Thừa phát lại lập ra bị đánh thuế rất cao và tạo ra một nguồn thu nhập đáng kể cho ngân sách nhà nước.

Công việc thừa phát lại được làm: Về phạm vi công việc Thừa phát lại được làm là khá rộng, bao gồm nhóm công việc truyền thống - độc quyền và nhóm công việc không độc quyền:

Các hoạt động chính hoặc hoạt động truyền thống hay độc quyền của Thừa phát lại: Đó là các hoạt động thuộc thẩm quyền chuyên biệt của Thừa phát lại mà chỉ có Thừa phát lại mới có quyền tiến hành, gồm hoạt động tống đạt văn bản và thi hành án. Thừa phát lại phải thực hiện chức năng của mình khi có yêu cầu và người nào từ chối thực hiện nhiệm vụ thì có thể bị xử phạt rất nặng, chưa kể đến các thiệt hại có thể phải bồi thường nếu người yêu cầu bị thiệt hại, ví dụ do chậm trễ nên không thể tiến hành được thủ tục mà mình muốn thực hiện.

Các hoạt động không thuộc diện độc quyền của Thừa phát lại: Ngoài các hoạt động độc quyền, Thừa phát lại còn được làm một số công việc khác: *Lập vi bằng; thực hiện một số công việc tại Tòa; bán đấu giá tài sản; thực hiện các hoạt động phụ trợ khác.*

[3] Bộ Tư pháp (2015), *Báo cáo Kết quả công tác thi hành án dân sự năm 2015 và nhiệm kỳ 2011-2015, định hướng 2016-2020 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu năm 2016*, Hà Nội.

[4] Tổng hợp từ Báo cáo khảo sát của Đoàn công tác liên ngành tìm hiểu mô hình Thừa phát lại tại Cộng hòa Pháp, 7/2015.

Chi phí, thù lao thừa phát lại: Do là một nghề tự do và độc lập, nên Thừa phát lại phải cân đối các khoản thu chi của mình đảm bảo để có lợi nhuận để trả tiền thù lao cho chính mình hay cho các thành viên trong công ty dân sự nghề nghiệp hoặc công ty hành nghề tự do chủ sở hữu văn phòng Thừa phát lại lập. Thù lao của Thừa phát lại do cơ quan lập quy ban hành trên cơ sở thống nhất với các cơ quan của Bộ Tư pháp và đại diện của Hội đồng Thừa phát lại quốc gia.

2.3.2. Thừa phát lại ở Hồng Kông (Trung Quốc)[5]

Thừa phát lại Hồng Kông thực hiện hai vai trò quan trọng như là một phần của tư pháp. Một mặt, các Thừa phát lại cùng các trợ lý của họ thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập và các văn bản pháp luật quan trọng khác đến các bên đương sự theo chỉ thị của Tòa án hoặc theo yêu cầu của một bên tranh chấp. Mặt khác, đội ngũ Thừa phát lại đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tuân thủ đầy đủ các quyết định, bản án của Tòa án.

Về chức năng nhiệm vụ: Thừa phát lại chịu trách nhiệm tống đạt các giấy triệu tập hoặc các giấy tờ mang tính pháp lý và thực hiện việc thi hành quyết định và bản án của Tòa án. Thừa phát lại và trợ lý của họ cũng thực hiện dịch vụ pháp lý và các dịch vụ khác với sự hợp tác cùng các cơ quan có quyền tài phán ngoài Hồng Kông về hoạt động tố tụng và thi hành án trên lãnh thổ Hồng Kông. Hơn nữa, Thừa phát lại ở Hồng Kông còn có quyền bắt giữ tàu thuyền theo thủ tục tố tụng.

2.3.3. Estonia

Thừa phát lại là một người độc lập giữ một vị trí trong luật pháp công. Thừa phát lại tham gia vào nghề nghiệp tự do và giữ một ví trí dưới tên riêng và có trách nhiệm riêng của mình.

Thừa phát lại thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ trưởng Tư pháp - người có quyền ban hành các quy định về tổ chức của hoạt động nghề nghiệp của các Thừa phát lại. Thừa phát lại sẽ được Bộ trưởng Tư pháp bổ nhiệm trong thời hạn không xác định khi có đủ điều kiện: Là công dân Estonia đã hoàn thành nghĩa vụ chuẩn bị cho Thừa phát lại và đỗ kỳ sát hạch Thừa phát lại, đã hoàn thành chương trình quốc gia về nghiên cứu pháp lý, thành thạo nói và viết tiếng Estonia, trung thực và có đạo đức có thể được bổ nhiệm làm Thừa phát lại.

Thừa phát lại không được giữ các chức vụ được trả tiền khác ngoài vị trí Thừa phát lại hoặc thực hiện bất kỳ công việc được trả tiền khác, ngoại trừ giảng dạy hoặc nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu.

Một Thừa phát lại sẽ vô tư trong việc thực hiện các hành vi nghề nghiệp, phải giữ các bí mật kinh doanh và không tiết lộ thông tin thu được trong hoạt động nghề nghiệp của mình mà không thể được tiết lộ theo pháp luật quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trách nhiệm bảo mật thông tin cũng tiếp tục sau khi một Thừa phát lại từ nhiệm khỏi vị trí. Nhà nước không chịu trách nhiệm về thiệt hại do Thừa phát lại gây ra.

III. Kết luận và kiến nghị

Từ các phân tích trên, trong công tác THADS sau này, tác giả đưa ra một vài kiến nghị như sau:

Thứ nhất: Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới đã tổ chức thành công mô hình Thừa phát lại, qua đó, Nhà nước cần rà soát, xem xét đưa vào các dự án luật những quy định liên quan đến hoạt động Thừa phát lại. Trên cơ sở đó, dần bổ sung quy định về Thừa phát lại trong Luật THADS về các nội dung sau: Khái niệm, vị trí, vai trò Thừa phát lại; nguyên tắc tổ chức và hoạt động Thừa phát lại; phạm vi công việc Thừa phát lại được làm. Trong tương lai, nghiên cứu để ban hành Luật về Thừa phát lại, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của các Thừa phát lại bình đẳng với các chức danh trong bộ máy nhà nước.

Thứ hai: Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về Thừa phát lại, quán triệt sâu sắc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong hành động của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc phối

[5] Tổng hợp từ: www. judiciary.gov.hk; P& N Lawfirm.

hợp và hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động của Thừa phát lại. Đồng thời, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về vai trò, ý nghĩa hoạt động Thừa phát lại, vị trí của Thừa phát lại trong hệ thống cơ quan tư pháp, từ đó, hỗ trợ người dân thực hiện, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong các giao dịch dân sự và trong lĩnh vực THA, tạo sự quan tâm và ủng hộ, sử dụng các dịch vụ do Thừa phát lại cung cấp. Vì cho đến nay, qua khảo sát, cho thấy các CQTHA và cơ quan, tổ chức, cá nhân hầu như chưa có sự hiểu biết rõ ràng và đầy đủ về chức năng, vị trí và vai trò của Thừa phát lại, dẫn đến hoạt động của các Thừa phát lại khi triển khai gặp nhiều trở ngại trên thực tế.

Thứ ba: Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về Thừa phát lại, thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, xử lý nghiêm sai phạm, uốn nắn những lệch lạc trong hoạt động của Thừa phát lại và các Văn phòng Thừa phát lại. Bên cạnh đó, cần gấp rút triển khai nghiên cứu ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho Thừa phát lại, các Văn phòng Thừa phát lại hoạt động phù hợp với chủ trương khuyến khích xã hội hóa hoạt động dịch vụ công. ❑

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thị Huyền (2011), *Thí điểm mô hình Thừa phát lại tại TP. Hồ Chí Minh những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 7/2011, tr. 32-37;
2. Lê Văn Hòe (2015), *Sự cần thiết ban hành Luật về xã hội hóa và những nội dung chủ yếu*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24 (304), 12/2015, tr. 24-28;
3. Nguyễn Văn Lạng (2016), *Một số nội dung về Thừa phát lại*, đăng trên Tạp chí Dân Chủ và Pháp luật, số Chuyên đề 11/2016, tr. 9-13.
4. Nguyễn Văn Sơn (2014), *Xã hội hóa một số hoạt động tư pháp và việc triển khai thí điểm chế định Thừa phát lại*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số chuyên đề "Chế định Thừa phát lại", năm 2014, tr. 26-33;
5. Qing-Yun Jiang (2005), *Court Delay and Law Enforcement in China - Civil process and economic perspective* ", Nhà xuất bản Gabler edition Wissenschaft, năm 2005;
6. Anneli Alekand (2008), *The Estonian Universal Enforcement Procedure and the Bailiff as the Taker of Procedural Decisions*", Nhà xuất bản Juridica Internatinonal, 2008.

HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT...

(Tiếp theo trang 37)

thuận thì có bị vô hiệu hay không. Bởi về nguyên tắc, hệ quả của việc vi phạm hình thức thuộc phạm vi điều chỉnh của BLDS với tư cách là một bộ luật chung. Đây là điều khá đáng tiếc và có thể sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết các tranh chấp liên quan. Ngoài ra, hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thì phải xin phép Ủy ban Chứng khoán theo khoản 2 Điều 30 và Điều 32 của Luật Chứng khoán năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) và Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 05/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Do vậy, việc BLDS năm 2015 đã không giữ lại hình thức "xin phép" là thiếu sự phù hợp với thực tiễn cũng như không tương thích với quy định tại các luật chuyên ngành khác.

Trường hợp "các bên có thỏa thuận" như đã phân tích tại mục 2.3.2. Cho nên, chúng tôi mạnh dạn đề xuất các nhà làm luật cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 119 BLDS năm 2015, cụ thể như sau: "Trường hợp *các bên có thỏa thuận hoặc* luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký *hoặc xin phép* thì phải tuân theo *hình thức* đó".

4. Kết luận

BLDS năm 2015 có những cải cách tiến bộ về hình thức của hợp đồng, nhưng mọi cải cách đều không thể tránh khỏi những trở ngại, bất cập, vẫn chưa đáp ứng được mong muốn và kỳ vọng thật sự của xã hội - nơi kiểm chứng sự cải cách đó. Trong điều kiện BLDS năm 2015 mới có hiệu lực trong thời gian ngắn (từ ngày 01/01/2017 đến nay) thì hiệu quả thực chất trong thực tế vẫn chưa được kiểm chứng. Thế nhưng, vẫn có thể nhận thấy nhiều điểm chưa rõ ràng và phù hợp về lý luận cũng như thực tiễn như đã phân tích trên. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn để tránh trường hợp có nhiều cách hiểu khác nhau, gây khó khăn trong quá trình giải quyết trên thực tiễn. ❑